

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2015**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016



**EVNPECC3**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3  
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3

Năm báo cáo: Năm 2015

## I. Thông tin chung:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102
- Vốn điều lệ: 33.810.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.810.000.000 đồng
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, phường 7, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax/Fax: 08.39307938
- Website: [WWW.pecc3.com.vn](http://WWW.pecc3.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TV3

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công Ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/2/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam , Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995
- Ngày 7/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/1/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp,
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác

- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức – nhân sự; phòng Kế hoạch – kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, Ban Tư vấn giám sát thủy điện Xekaman.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
- + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng



kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng ( nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế )

+ Chi nhánh miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp – Tp. Nha Trang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện ( thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường giầy tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, casecoong trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.

## **5. Định hướng phát triển.**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tầm nhìn: TVĐ3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực
- Sứ mệnh: TVĐ3 cung cấp giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.
- Năng lực cốt lõi: Đội ngũ có kiến thức chuyên môn sâu, tư duy sáng tạo, trách nhiệm và tinh thần đồng đội cao. Ứng dụng hiệu quả các mô hình và công nghệ. Quản lý thực hiện dự án tốt.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý. Nghiên cứu việc mở rộng thị trường ra các nước Laos, Cambodia.
- Đa dạng loại dịch vụ cung cấp, đa dạng khách hàng. Tăng dần tỷ trọng khách hàng ngoài ngành, tăng mức nhận biết thương hiệu TV3 với các khách hàng ngoài ngành.
- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp tư vấn trong ngành Điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty tư vấn ngoài ngành và ngoài nước.

- Áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý: phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức. Phát triển năng lực đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của CBCNV. Từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.
  - Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án thủy điện, nhiệt điện, phong điện...
- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Để phát triển bền vững, công ty hướng đến việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau

- Phát triển danh mục sản phẩm dịch vụ mới trong đó tập trung vào các mảng:
  - Lưới điện
  - Nhiệt điện
  - Năng lượng tái tạo
  - Các công trình hạ tầng cơ sở và các công trình công nghiệp khác
- Phát triển thị trường theo hướng tiếp tục chiếm lĩnh thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng sang thị phần khách hàng ngoài ngành năng lượng, đặc biệt chú ý đến các nhà đầu tư lớn cho các công trình công nghiệp. Các sản phẩm trọng tâm được chuyên dịch tỷ trọng theo hướng tăng dần ở mảng năng lượng tái tạo, nhiệt điện và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ. Đồng thời mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Campuchia..
- Nghiên cứu, hợp tác để cung cấp gói sản phẩm dịch vụ trọn gói.
- Tiếp tục công tác tái cấu trúc nội bộ, trong đó trọng tâm là sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của công ty theo hướng hiện đại – tinh gọn – hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp thông qua các chương trình ứng dụng quy trình quản lý hiện đại, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên...
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gắn liền chất lượng công việc với đãi ngộ để đảm bảo thu hút và giữ chân được người lao động giỏi.

## 6. Các rủi ro:

- Công tác quy hoạch phát triển điện có sự vênh nhau giữa quy hoạch phát triển điện quốc gia và quy hoạch điện ở các tỉnh. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.
- Đơn giá, định mức, ... của nhà nước vẫn chưa được điều chỉnh cho phù hợp với thị trường, điều này sẽ dẫn đến những khó khăn và rủi ro cho doanh nghiệp tư vấn trong nước.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh.

- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.
- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thực hiện dự án.
- Việc tham gia cộng đồng ASEAN sẽ mang lại những rủi ro khi khó giữ chân được các lao động tay nghề cao, giỏi ngoại ngữ.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2015.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2015, tình hình thị trường có nhiều biến động, trong đó phải kể đến việc thị trường thủy điện giảm nghiêm trọng và sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp ngoài ngành, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, những khó khăn khách quan vẫn còn tồn tại ví dụ như vấn đề thiếu đồng bộ giữa quy hoạch điện và quy hoạch đất đai của các địa phương, vấn đề giải phóng mặt bằng... Tuy vậy, từ năm 2012, Công ty đã nghiên cứu và lường trước được những khó khăn, thách thức này và cũng đã xây dựng chiến lược đáp ứng tình hình mới. Công ty cũng đã quyết tâm chuyển đổi cơ cấu sản phẩm dịch vụ, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Do vậy, năm 2015, công ty cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

#### Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2015:

- Kế hoạch 2015	
Giá trị doanh thu tự làm:	215 454 triệu đồng
Trong đó: <i>Khảo sát:</i>	50 605 triệu đồng
<i>QH&amp;ĐAĐT&amp;Thiết kế&amp;GSTC:</i>	164 859 triệu đồng
Giá trị doanh thu thuê ngoài	29 228 triệu đồng
<b>Tổng doanh thu kế hoạch 2015</b>	<b>244 693 triệu đồng</b>
- Thực hiện kế hoạch doanh thu năm 2015:	
Giá trị doanh thu thực hiện tự làm	215 958 triệu đồng
Trong đó: <i>Khảo sát:</i>	41 122 triệu đồng
<i>QH&amp;ĐAĐT&amp;Thiết kế&amp;GSTC:</i>	174 836 triệu đồng
Doanh thu thuê ngoài và thu nhập tài chính:	44 301 triệu đồng
<i>Doanh thu thuê ngoài</i>	42 215 triệu đồng
<i>Thu nhập tài chính và TN khác</i>	2 086 triệu đồng
<b>Tổng doanh thu thực hiện 2015</b>	<b>260 260 triệu đồng</b>
Doanh thu tự làm đạt 100,23% kế hoạch 2015	
Lợi nhuận sau thuế đạt: 10.430 triệu đồng	

### 2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

- a) Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;  
Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn;  
Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.  
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 27 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

**b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;**

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;  
Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;  
Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.  
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

**c) Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi – thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đề án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Quá trình công tác: 31 năm công tác trong đó 06 năm trong ngành điện

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc – Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá bàn tỉnh Khánh Hòa

**d) Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc**

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Quá trình công tác: 24 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó Trưởng phòng Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

**e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán**

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: Tp. HCM

Học vị: Cao đẳng kinh tế.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Quá trình công tác: 19 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi
- Số lượng cán bộ, nhân viên:
- + Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2015 là: 514 người;
- + Các chế độ, chính sách đối với người lao động hiện đang áp dụng như đối với Công ty Nhà nước.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2015, Công ty thực hiện góp đầu tư vào Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình giá trị 4 tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính vào các đơn vị với số tiền sau:

- Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình: 8,2 tỷ đồng;

- Góp vốn vào Công ty CP EVN Quốc tế: 3,15 tỷ đồng;
- Mua cổ phiếu của CTCP Thủy điện miền Trung: 0,22 tỷ đồng (43.600 cổ phần);
- Hiện nay Công ty đang tập trung thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình với tỷ lệ cam kết góp 10% vốn và thực hiện góp vốn theo tiến độ đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm/ %
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	227.246	222.607	97,96%
Doanh thu thuần	213.506	260.715	122,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ (261)	16.645	13.969	83,92%
Lợi nhuận khác	16.384	67	25,67%
Lợi nhuận trước thuế	12.770	14.037	85,67%
Lợi nhuận sau thuế	17%	10.480	82,06%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

#### - Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,25	1,21	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,05	1,01	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,65	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,08	1,89	

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	6,24	6,85	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,94	1,17	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,98%	4,02%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,28%	13,62%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,61%	4,71%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,80%	5,36%	

### **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

#### a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 3.381.000 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 20.21%
- Tôn Thất Hùng: 14.28%
- Phạm Văn Thuận: 14.28%

#### b- Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 216/2016-TV3/VSD-ĐK ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 33.810,00 triệu đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 16.491,57 triệu đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 7.803.450 triệu đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 25.158,4 triệu đồng

- Vốn nước ngoài(cá nhân)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	115
Yamazaki Atsushi	IS 0469	Nomura house, 1 St Martin's –le –Grand, London EC1A 4NP	Japan	100

- Vốn nước ngoài (tập thể)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
America LLC	CA5883	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	St Kitts and Nevis	83.400
NOMURA INTERNATIONAL PLC	CA1049	NomuraHouse,1 StMartin' s-le-Grand, London EC1 4NP	United Kingdom	1.200

- Cổ đông lớn:

- + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 2.333 triệu đồng
- + Tổng công ty điện lực thành phố HCM: 4.221,39 triệu đồng
- + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 16.491,57 triệu đồng

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

**6.3. Tiêu thụ nước:** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m<sup>3</sup>. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của các nhân viên trong công ty.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2015: 514 người

- Mức lương trung bình của NLD năm 2015: 17.400.000đ/ người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy vệ sinh lao động với đầy đủ các nội dung quy định và được treo ở nơi làm việc.

- Đo môi trường lao động vào ngày 02/7/2015, kết quả đo môi trường đạt kết quả tốt, chỉ duy nhất có 1 vị trí làm việc của NLD ánh sáng chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép, đã lắp thêm đèn đủ độ sáng.

- Công ty có tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLD. Đơn vị không trực tiếp sản xuất nhưng cũng xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty

- Ngày 03/07/2015 – 04/7/2015 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 445 người lao động đạt tỷ lệ khám đạt 87,3%, chi phí 346.369.000đồng.



- Đối với NLD có sức khỏe loại 4, 5 và yếu, Công ty đã triển khai thực hiện cho đi nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng lao động 16 người với chi phí 36.800.000 đồng.
- Đối với NLD có bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu phối hợp định kỳ với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLD.
- Công ty đã tổ chức nghỉ mát cho NLD năm 2015 theo đúng thỏa ước lao động tập thể.
- Định kỳ hàng quý đều có đối thoại giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động nhằm nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người lao động và truyền tải những mong muốn của lãnh đạo Công ty đến NLD.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, nhất là đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo kỹ năng mềm cho người lao động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc.

Trong năm 2015 đã thực hiện 67 chương trình gồm đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn và quản lý. Tổng số lượt người được đào tạo là 993 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo thường xuyên (Các khóa kỹ năng dành cho nhân viên các phòng nghiệp vụ)	776	21
II	Đào tạo theo chuyên đề (Dành cho nhân viên trực tiếp và cán bộ quản lý)	217	
1	Năng lượng tái tạo (dành cho nhân viên)	32	8
2	Điện - Điện hạt nhân (dành cho nhân viên)	55	15,6
3	Kỹ thuật xây dựng (dành cho nhân viên)	11	8
4	Đào tạo về Quản lý (dành cho CB quản lý và cán bộ điện quy hoạch)	117	36
	<b>Tổng cộng</b>	<b>993</b>	

Ngoài việc tổ chức đào tạo bên ngoài, Công ty đã tổ chức đào tạo nội bộ trong các phòng, ban, chi nhánh. Với hình thức này, các trưởng đơn vị đào tạo cho nhân viên, người đi trước hướng dẫn kèm cặp cho người đi sau. Trong năm 2015 toàn Công ty thực hiện 70 chương trình & chuyên đề đào tạo, tổng số lượt người được đào tạo là 753 lượt người.

## 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Là một doanh nghiệp có trụ sở chính đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 nhận thức rõ vai trò trách nhiệm của mình đối với địa phương và cộng đồng. Hàng năm Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động như sau:

- Đóng góp vào quỹ học bổng Vừ A Dính với số tiền 10 triệu đồng. Đây là quỹ từ thiện hoạt động trong phạm vi toàn quốc do bà Trương Mỹ Hoa nguyên phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm chủ tịch. Quỹ này cấp học bổng cho các em học sinh người dân tộc thiểu số của Việt Nam học giỏi và có hoàn cảnh khó khăn.
- Tham gia ủng hộ Chương trình "Giáng sinh trên vùng cao", tặng quà cho các em học sinh dân tộc tại Di Linh, Lâm Đồng với số tiền 2.000.000 đồng.
- Hỗ trợ các trẻ em nghèo trường Tiểu học Việt Nam tại Campuchia với số tiền 6.751.000 đồng.
- Hỗ trợ xây nhà cho các hộ nghèo ở Duyên Hải, Trà Vinh số tiền 20.000.000 đồng.
- Hỗ trợ Bếp ăn từ thiện Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần tỉnh Khánh Hòa số tiền 2.000.000 đồng giúp bệnh nhân nghèo đón tết; ủng hộ Quỹ khuyến học, khuyến tài của Hội khuyến học thành phố Nha Trang số tiền 1.000.000 đồng để chăm sóc trẻ em nghèo trên địa bàn có điều kiện tiếp tục đến trường.
- Thăm và tặng quà cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng nhân dịp 26/3.
- Ủng hộ chương trình đi bộ "Vì nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2015" số tiền 2.000.000 đ.
- Đóng góp 3.000.000 đ đóng góp cho Quỹ "Vì người nghèo".
- Hỗ trợ mua vé ủng hộ Đoàn kịch nói CAND phục vụ cán bộ, chiến sỹ và nhân dân tỉnh Trà Vinh với tổng số tiền là 1.600.000 đ, hỗ trợ Chương trình "Xuân ấm tình thương 2016" do Hội cứu trợ trẻ em tàn tật VN tổ chức với tổng số tiền là 3.000.000 đ và hỗ trợ Chương trình ""Ấm tình mùa xuân lần thứ 4" tổng số tiền là 3.000.000 đ.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2015, nền kinh tế Việt Nam nói chung đã có những bước khởi sắc nhất định, điều này có tác động tích cực đến thị trường tư vấn thiết kế. Tuy nhiên, riêng với thị trường tư vấn thiết kế, hiện nay đang tồn tại cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong ngành điện và các doanh nghiệp ngoài ngành, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó, sự co hẹp của nhiều thị trường truyền thống như thị trường thủy điện v.v... cũng tác động không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tư vấn thiết kế. Đứng trước

tình hình đó, Ban Giám đốc TV3 đã mạnh dạn xây dựng chiến lược phát triển mới, trong đó đặt trọng tâm vào việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm dịch vụ cung cấp cho thị trường, đồng thời mở rộng thị trường cung cấp. Bên cạnh việc đảm bảo giữ vững các thị trường truyền thống, TV3 quyết tâm mở rộng ra các thị trường ngoài ngành và thậm chí là ngoài nước. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện các cải cách sâu rộng trong công tác quản trị nội bộ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung ứng. Sau khi thực hiện các biện pháp tổng hợp đó, năm 2015, TV3 đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Cụ thể:

+ Doanh thu tăng 107% so với kế hoạch được giao

+ Doanh thu tăng 122% so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Thị trường ngoài ngành đã có những tín hiệu tích cực với những hợp đồng và dòng doanh thu từ thị trường này

+ Việc chuyển dịch trọng tâm sản phẩm dịch vụ được thực hiện tích cực, thể hiện qua các số liệu phân tích cơ cấu doanh thu.

+ Việc triển khai quản trị nội bộ đã thực hiện đồng bộ và có kết quả tốt.

Tuy nhiên, nhìn lại kết quả hoạt động năm 2015, cũng có những điểm cần lưu ý sau:

- Thách thức lớn nhất là thị phần ngày càng bị bó hẹp do số lượng đầu tư công trình ít và sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tư vấn điện như đã phân tích ở trên.
- Hiện tượng chảy máu chất xám và những chuyên gia giỏi nhiều kinh nghiệm càng ngày hiếm do lớn tuổi nghỉ theo chế độ. Hiện nay có tình trạng kỹ sư, cử nhân giỏi ra trường, học việc 5-6 năm trải nghiệm các dự án và có kinh nghiệm, sau đó được các đơn vị Tư vấn ngoài mời chào với mức lương và điều kiện làm việc hấp dẫn nên đã chuyển công tác. Hiện tượng chảy máu chất xám này phần nào đã làm ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng hồ sơ tư vấn.
- Khó khăn về vốn đầu tư các dự án điện của các chủ đầu tư trong và ngoài Ngành là một trong những thách thức cơ bản của Công ty trong việc duy trì tỷ lệ cổ tức 15 – 20% cho cổ đông và việc làm ổn định cho gần 520 CBCNV hiện nay và sắp tới.
- Thách thức lớn nhất đối với các Công ty Tư vấn ngành điện nói chung và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 nói riêng hiện nay là làm thế nào để tiếp cận được thị trường nước ngoài và cạnh tranh được với Công ty Tư vấn nước ngoài đang tham gia vào các dự án trong nước như thiết kế nhà máy Điện Hạt Nhân, các nhà máy Nhiệt điện, Phong điện, Điện mặt trời....
- Các công trình thủy điện trong những năm sắp tới sẽ ít đi. Do đó, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về thiết kế thủy điện, tư vấn giám sát thi công các dự án thủy điện, trắc địa, địa chất, thủy văn của công ty lên đến 202 người, tương đương 39,30% lực lượng lao động. sẽ bị ảnh hưởng đến việc làm.

## **2. Tình hình tài chính**

### **Bảng cân đối kế toán:**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
<b>I Tài sản ngắn hạn</b>	100-BCĐKT	<b>191.251.659.883</b>	<b>177.533.651.537</b>	<b>-13,718,008,346</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	89.551.261.006	51.134.559.843	-38,416,701,163
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	14.220.790.000	5.990.206.666	-8,230,583,334
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	57.602.556.040	90.743.005.211	33,140,449,171
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(6.733.579.327)	(7.080.058.137)	-346,478,810
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	29.579.750.767	29.521.064.627	-58,686,140
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	297.302.070	144.815.190	-152,486,880
<b>II Tài sản dài hạn</b>	200-BCĐKT	<b>35.992.891.732</b>	<b>45.073.132.876</b>	<b>9,080,241,144</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	153.000.000	153.000.000	
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	25.423.236.707	30.576.386.738	5,153,150,031
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>13.331.414.774</i>	<i>15.579.550.189</i>	<i>2,248,135,415</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>			
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>11.780.631.653</i>	<i>14.685.646.269</i>	<i>2,905,014,616</i>
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	311.190.280	311.190.280	
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	7.350.000.000	11.350.000.000	4,000,000,000
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	3.066.655.025	2.993.746.138	-72,908,887
<b>III. Nợ phải trả</b>	300-BCĐKT	<b>153.363.100.521</b>	<b>145.672.774.898</b>	<b>-7,690,325,623</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	153.363.100.521	145.672.774.898	-7,690,325,623
Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	400-BCĐKT	<b>73.881.451.094</b>	<b>76.934.009.515</b>	<b>3,052,558,421</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	73.881.451.094	76.934.009.515	3,052,558,421
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>33.810.000.000</i>	<i>33.810.000.000</i>	
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động giảm 7,1% so với năm trước chủ yếu là vốn bằng tiền và tương đương tiền giảm so với năm trước do thanh toán nợ ngắn hạn và đầu tư mua sắm tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn trong năm. hiệu quả sử dụng tài sản năm nay thấp hơn năm trước do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay giảm so với năm trước. Ngoài ra nợ phải thu khó đòi năm nay tăng cũng làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm nay thấp hơn so với năm trước chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước giảm do đã được Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ và nghiệm thu trong năm. Tỷ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm nay là 1,89 cùng với khả năng

thanh toán nợ ngắn hạn > 1 đã đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn rất tốt của Công ty.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Với mục tiêu đồng bộ hóa các chính sách về quản lý, nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất chủ động trong sản xuất, kinh doanh, quản lý các nguồn lực được giao nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ các dự án, đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Đồng thời thúc đẩy và cải tiến công tác quản lý, nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, để nâng cao thu nhập cho người lao động..., Công ty đã ban hành Quy chế khoán (QC – NS – 03) ngày 01/6/2015;
- Qua 3 năm triển khai và vận hành công cụ dự án cải tiến hệ thống quản lý và xây dựng hệ thống lương, ghi nhận và đánh giá khách quan hiệu quả đạt được sau dự án. Qua đó, đã triển khai một phần dự án này tại các Chi nhánh, cụ thể: định hướng về nguyên tắc rà soát cơ cấu tổ chức của Chi nhánh, trên cơ sở nguyên tắc đó, các Chi nhánh tổ chức lại bộ máy quản lý nhằm đồng bộ với cơ cấu tổ chức của Công ty; nguyên tắc xây dựng và phân bổ BSC của bộ phận; nguyên tắc xây dựng bản mô tả công việc...
- Trên cơ sở mục tiêu chiến lược 2013 – 2017, rà soát và xây dựng mục tiêu năm 2015 nhằm tiến tới hoàn thành mục tiêu chiến lược đã được phê duyệt. Hệ thống mục tiêu này không nằm ngoài các kỳ vọng của Công ty và được cụ thể hóa bằng các thước đo hiệu quả rõ ràng, chính xác. Hàng quý, Công ty đều đánh giá các đơn vị qua BSC phân bổ đầu năm, là cơ sở để đánh giá cán bộ và thu nhập của NLD trong đơn vị.
- Nhằm gắn kết về trách nhiệm điều hành đơn vị của cấp quản lý đối với thành tích của đơn vị, Công ty đã ban hành Quyết định khuyến khích thưởng phạt Quỹ lương hàng năm đối với Ban Giám đốc các Chi nhánh, Giám đốc Trung tâm và Trưởng các phòng ban nhận khoán. Mô hình này tương đồng với mô hình Tập đoàn đang quản lý và điều tiết đối với người đứng đầu và đại diện phần vốn của EVN tại đơn vị. ...

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển trong thời gian 2013-2017 có xét tới 2020 với các mục tiêu cụ thể như sau:

- Tầm nhìn: TVĐ3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực
- Sứ mệnh: TVĐ3 cung cấp giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.
- Năng lực cốt lõi: Đội ngũ có kiến thức chuyên môn sâu, tư duy sáng tạo, trách nhiệm và tinh thần đồng đội cao. Ứng dụng hiệu quả các mô hình và công nghệ. Quản lý thực hiện dự án tốt.

#### **4.1 Mục tiêu phát triển :**

##### **a) Mục tiêu tổng quát**

Các mục tiêu chiến lược 2013 – 2017:



- Tăng trưởng doanh thu hợp lý;
- Thực hiện đa dạng loại dịch vụ cung cấp cho đa dạng khách hàng, tỷ trọng khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên, tăng độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ của TVĐ3.
- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả: phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức và phát triển năng lực đội ngũ.

#### b) Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng thị trường ra các nước lân cận như Lào, Campuchia.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm Tư vấn thiết kế.
- Đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh...)
- Hợp tác giữa các Công ty Tư vấn ngành điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty tư vấn khác nhất là với Tư vấn nước ngoài.
- Tham gia góp vốn đầu tư các dự án điện như thủy điện, phong điện....

### 4.2. Chiến lược phát triển

#### a) Chiến lược phát triển sản phẩm mới

Các dịch vụ của PECC3 bao gồm:

- Tư vấn thiết kế giải pháp tổng thể và chi tiết
- Tư vấn giám sát và quản lý dự án
- Đánh giá tác động môi trường
- Trắc đạc, khảo sát địa hình, địa chất

PECC3 tập trung vào các lĩnh vực chính sau:

- Lưới điện
- Nhiệt điện
- Năng lượng tái tạo
- Các công trình hạ tầng cơ sở và các công trình công nghiệp khác

#### b) Chiến lược phát triển thị trường

- Mở rộng khách hàng ngoài ngành năng lượng, chú trọng các nhà đầu tư lớn cho công trình công nghiệp
- Xác định dự án và thứ tự ưu tiên để nỗ lực tham gia
- Tăng cường hợp tác với đối tác nước ngoài, nhà thầu chính hoặc các nhà tổng thầu EPC uy tín để thực hiện dịch vụ, bảo đảm nguồn công việc, xây dựng năng lực cán bộ và thương hiệu công ty
- Sản phẩm trọng tâm được chuyển dịch tỷ trọng theo hướng tăng dần cho mảng năng lượng tái tạo, nhiệt điện và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ.

#### c) Chiến lược cạnh tranh

- Tạo các sản phẩm theo hướng đáp ứng từng mảng nhu cầu của các công trình công nghiệp có liên quan ngành điện, không bó hẹp ở quan niệm «nguồn điện» và «lưới điện»
- Không bán sản phẩm giá rẻ. Tạo giá trị gia tăng cho khách hàng bằng chất lượng dịch vụ và giải pháp bổ sung
- Cung cấp sản phẩm trọn gói hoặc kết hợp với đơn vị uy tín để cung cấp sản phẩm trọn gói

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):**

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2015 là năm hoạt động thứ 8 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a- Thuận lợi:

- Năm 2015 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2014, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành KH 2015.

b- Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2015.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2016, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2016.

b) Các hoạt động khác:

- HĐQT chỉ đạo Công ty khẩn trương hoàn thành việc xây dựng khu nhà ở tại Bình Thuận để đáp ứng yêu cầu về nhà nghỉ và làm việc cho các kỹ sư và chuyên gia giám sát xây dựng tại Trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân.
- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.

- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

## V. Quản trị công ty .

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

#### - Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 27 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

#### - Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

**- Ông Nguyễn Phú Gia: Ủy viên HĐQT**

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sĩ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiên ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội

Quá trình công tác:

Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện – Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện – Viện Năng lượng

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội

**- Ông Trần Văn Lê Hà: Ủy viên HĐQT**

Sinh ngày: 05 tháng 06 năm 1957;



Nơi sinh: Kiên Giang;  
Học vị: Kỹ sư điện, cử nhân luật.  
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1978: Công nhân kỹ thuật điện;

Năm 1992: Kỹ sư hệ thống điện .

Năm 2002: Cử nhân luật học

Quá trình công tác:

Từ 2014 đến nay: Trưởng ban KS nội bộ TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1984 - 1992 : Công tác tại TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1992- 1975 : Công tác tại Nhà máy nhiệt điện Thủ Đức

- **Ông Phạm Văn Thuận: Ủy viên HĐQT**

Sinh ngày: 11 tháng 10 năm 1958;

Nơi sinh: Thái Bình;

Học vị: Kỹ xây dựng.

Quốc tịch: Việt Nam;

Hiện nay ông Phạm Văn Thuận đang công tác tại Tập đoàn điện lực Việt Nam với chức danh là Phó Ban Quản lý đầu tư. Ông Phạm Văn Thuận là người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	8.855	683.300 (20,21% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Nguyễn Phú Gia (Thành viên HĐQT độc lập)	UV. HĐQT	6.679	0
3	Phạm Văn Thuận	UV. HĐQT	1.450	482.806

				(14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
4	Trần Văn Lê Hà	UV. HĐQT	9.775	422.139 (12,48% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tổng công ty điện lực TP.HCM
5	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	8.813	482.806 (14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

- Ông Nguyễn Phú Gia là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ông được các cổ đông bầu vào hội đồng quản trị trong kỳ đại hội ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ông Nguyễn Phú Gia được đào tạo tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc với bằng tốt nghiệp là Tiến sỹ về ngành nhiệt cơ học. Hiện nay ông Nguyễn Phú Gia là cán bộ hưu trí và ông luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị đối với ban điều hành của Công ty.

- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.(ĐT: 0963911865 - Email: longnv@pecc3.com.vn)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
-----	-----------------	---------	---------------------	-------	---------------------

1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	06	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	06	100%	
3	Ông Lê Văn Thu	Ủy viên HĐQT	02	50%	Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 30/03/2015
4	Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	06	100%	
5	Phạm Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	06	100%	
6	Trần Văn Lê Hà	Ủy viên HĐQT	04	67%	Là Ủy viên HĐQT từ ngày 01/04/2015(Thay thế ông Lê Văn Thu)

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện

STT	Số nghị quyết	Ngày	Hình thức họp	Nội dung	Tình hình thực hiện
1	0017/NQ-HĐQT	24/01/2015	Họp thường kỳ quý 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch SXKD, đơn giá tiền lương năm 2015.</li> <li>- ĐHCĐ năm 2015 dự kiến họp vào trung tuần tháng 4 năm 2015.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2015.</li> <li>- Đại hội CĐ đã được tổ chức vào ngày 17 tháng 4 năm 2015.</li> </ul>
2	0087/NQ-HĐQT	16/04/2015	Họp thường kỳ quý II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua chương trình và các nội dung của ĐHCĐ năm 2015.</li> <li>- Thống nhất chủ trương xây dựng khu nhà làm việc cho các kỹ sư và chuyên gia tại Vĩnh Tân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty đã tổ chức thành công ĐHCĐ năm 2015 với các chương trình và nội dung như trong nghị quyết của HĐQT.</li> <li>- Công ty đã lập xong BCNCKT và HĐQT đã phê duyệt, hiện đang tiến hành lập bản</li> </ul>

					<p>vẽ thi công và tổng dự toán. Công ty đã tiến hành các thủ tục xin thuê đất tại Vĩnh Tân, hiện đã được UBND tỉnh Bình Thuận cấp giấy phép đầu tư và đang chờ UBND tỉnh Bình Thuận ra quyết định cho thuê đất.</p>
3	0071/NQ-HĐQT	26/03/2015	Lấy ý kiến bằng văn bản	- Thông qua việc bầu ông Trần Văn Lê Hà làm thành viên HĐQT từ ngày 01 tháng 04 năm 2015.	- Hội đồng QT đã trình ĐHCĐ năm 2015 và đã được ĐHCĐ thông qua.
4	0136/NQ-HĐQT	15/06/2015	Lấy ý kiến bằng văn bản	- Chọn Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2015.	- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2015
5	0171/NQ-HĐQT	18/08/2015	Họp thường kỳ quý III	- Giao cho TGD Căn cứ báo cáo Đề án nâng cao năng lực và phát triển bền vững các Công ty CP Tư vấn xây dựng điện và tình hình thực tế của Công ty đề xuất phương án tổ chức các công ty Tư vấn phù hợp với phương án tái cơ cấu của EVN.	- Công ty đã có văn bản đề xuất phương án tổ chức các công ty Tư vấn gửi EVN - Công ty đã triển khai và hoàn thành KHSX kinh doanh năm 2015

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT thống nhất kết quả SXKD sáu tháng đầu năm 2015 và công tác triển khai nhiệm vụ năm 2015</li> </ul>	
6	0209/NQ-HĐQT	20/11/2015	Họp thường kỳ quý IV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao Tổng Giám đốc hiệu chỉnh và bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng và đầu tư tài chính, góp vốn năm 2015 như biên bản họp HĐQT.</li> <li>- Thống nhất bổ nhiệm lại ông Phạm Hoàng Vinh tiếp tục giữ chức Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty.</li> <li>- Giao cho Tổng Giám đốc điều chỉnh Quy chế lương để hài hòa quyền lợi của Công ty và của Người lao động và trình HĐQT thông qua.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty đã hiệu chỉnh và bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng và đầu tư tài chính, góp vốn năm 2015 và sẽ trình ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua.</li> <li>- Công ty đã có quyết định bổ nhiệm lại ông Phạm Hoàng Vinh tiếp tục giữ chức Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty.</li> <li>- Công ty đã tiến hành lấy ý kiến Người lao động và ban hành quy chế lương mới</li> </ul>
7	0223/NQ-HĐQT	25/12/2015	Lấy ý kiến bằng văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HĐQT thống nhất đề cử bà Trương Thị Anh Đào ứng cử chức Trưởng Ban</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty sẽ có tờ trình ĐHĐCĐ năm 2016 để thông qua</li> </ul>

				Kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012-2017.	
--	--	--	--	--	--

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 1-7-2013)	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
2	Trương Thị Anh Đào (Tốt nghiệp đại học TCKT và là kế toán viên)	Thành viên BKS	024654756	18D4 Phan Chu Trinh, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	1.127	0,033%
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS (bắt đầu nhiệm kỳ từ 27-4-2012)	021862015	383B/37 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.I, Tp.HCM	3.450	0,102%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:



- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 17-04-2015.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2015.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015 và báo cáo tài chính cả 2015.
- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát :
  - + Đợt 1: Ban Kiểm soát TV3 đã thực hiện 1 đợt kiểm soát năm 2015 từ 18/3 đến 20/3/2015, trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nội dung kiểm soát bao gồm :
    - (1) Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông ;
    - (2) Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính năm 2014 của Công ty ;
    - (3) Thẩm định Báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán năm 2014.
  - + Đợt 2: Ban Kiểm soát TV3 đã thực hiện đợt kiểm soát lần 2/2015 từ ngày 19/8 đến 21/8/2015 tại Công ty. Nội dung kiểm soát bao gồm :
    - (1) Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 ;
    - (2) Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2015 ;
    - (3) Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả; Tình hình ĐTXD; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ; Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị; Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 20/3/2015,...

c) Các biên bản của Ban Kiểm soát

<b>1</b>	<b>Biên bản</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	19/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2014.</li> <li>- Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2014.</li> <li>- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014.</li> <li>- Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2014; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2014; Tình hình ĐTXD và sửa chữa lớn; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ, Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị, Tình hình</li> </ul>

			thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 20/8/2014,...
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	21/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015.</li> <li>- Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2015.</li> <li>- Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả; Tình hình ĐTXD; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ; Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị; Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 20/3/2015.</li> </ul>

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 579.170.045 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 464.188.500 đồng
- Ông Phạm Văn Thuận – UV HĐQT: 60.000.000 đồng
- Ông Lê Văn Thu – UV HĐQT (3 tháng): 15.000.000 đồng
- Ông Trần Văn Lê Hà – UV HĐQT (9 tháng): 45.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 60.000.000 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 459.096.636 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 515.815.455 đồng

- Ban Kiểm soát:

- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Trưởng Ban kiểm soát: 54.000.000 đồng
- Bà Trương Thị Anh Đào – Thành viên kiêm nhiệm: 256.694.724 đồng
- Ông Phạm Duy Hải – Thành viên kiêm nhiệm: 169.877.724 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển

tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>177.533.651.537</b>	<b>191.251.659.883</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>51.134.559.843</b>	<b>89.551.261.006</b>
Tiền	111		34.451.919.843	17.115.001.839
Các khoản tương đương tiền	112		16.682.640.000	72.436.259.167
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>5.990.206.666</b>	<b>14.220.790.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.769.416.666	14.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>90.743.005.211</b>	<b>57.602.556.040</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	77.854.827.846	46.903.840.673
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.558.967.880	14.714.500.870
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.409.267.622	2.717.793.824
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.080.058.137)	(6.733.579.327)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>29.521.064.627</b>	<b>29.579.750.767</b>
Hàng tồn kho	141		29.521.064.627	29.579.750.767
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>144.815.190</b>	<b>297.302.070</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	144.815.190	257.436.349
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	39.865.721
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.073.132.876</b>	<b>35.992.891.732</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>153.000.000</b>	<b>153.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		153.000.000	153.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.265.196.458</b>	<b>25.112.046.427</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	15.579.550.189	13.331.414.774
- Nguyên giá	222		40.642.812.775	36.733.878.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.063.262.586)	(23.402.463.560)
Tài sản cố định vô hình	227	14	14.685.646.269	11.780.631.653
- Nguyên giá	228		17.897.175.882	14.535.328.682
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.211.529.613)	(2.754.697.029)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		311.190.280	311.190.280
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>11.350.000.000</b>	<b>7.350.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		11.350.000.000	7.350.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.993.746.138</b>	<b>3.066.655.025</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.993.746.138	3.066.655.025
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>222.606.784.413</b>	<b>227.244.551.615</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>145.672.774.898</b>	<b>153.363.100.521</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>145.672.774.898</b>	<b>153.363.100.521</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.322.049.111	3.381.842.028
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.826.266.141	71.330.394.441
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.023.251.228	6.207.467.248
Phải trả người lao động	314		67.363.835.162	61.596.481.042
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.880.162.188	3.030.839.948
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.969.637.961	7.524.112.707
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		287.573.107	291.963.107
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.934.009.515</b>	<b>73.881.451.094</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>76.934.009.515</b>	<b>73.881.451.094</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	33.810.000.000	33.810.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		33.810.000.000	33.810.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	30.809.499.798	26.919.499.798
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	12.269.649.717	13.107.091.296
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.789.415.096	336.612.184
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.480.234.621	12.770.479.112
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>222.606.784.413</b>	<b>227.244.551.615</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>260.715.364.428</b>	<b>213.505.631.432</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>260.715.364.428</b>	<b>213.505.631.432</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	202.678.319.445	157.181.356.839
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>58.037.044.983</b>	<b>56.324.274.593</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.758.732.331	1.173.313.676
Chi phí tài chính	22	24	110.664.636	14.518.308
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	9.750.000
Chi phí bán hàng	25	25	8.677.484.640	7.778.736.555
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	38.038.167.965	33.058.916.573
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.969.460.073</b>	<b>16.645.416.833</b>
Thu nhập khác	31	26	644.939.447	903.912.041
Chi phí khác	32	27	577.495.609	1.165.581.071
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>67.443.838</b>	<b>(261.669.030)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>14.036.903.911</b>	<b>16.383.747.803</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.556.669.290	3.613.268.691
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.480.234.621</b>	<b>12.770.479.112</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>2.790</b>	<b>3.396</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>30</b>	<b>2.790</b>	<b>3.396</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>14.036.903.911</b>	<b>16.383.747.803</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.688.309.895	2.268.919.634
Các khoản dự phòng	03		403.381.155	(356.360.542)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.197.757.938)	(157.947.526)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.559.735.362)	(1.278.430.084)
Chi phí lãi vay	06		-	9.750.000
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>14.371.101.661</b>	<b>16.869.679.285</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.550.623.786)	34.510.148.791
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		58.686.140	(8.770.465.268)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(6.523.747.215)	29.108.790.191
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		185.530.046	(1.266.024.960)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(9.750.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.315.587.842)	(5.427.525.276)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.752.390.000)	(2.324.892.152)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(31.459.030.996)</b>	<b>62.689.960.611</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.575.959.926)	(5.749.050.750)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		102.727.272	430.200.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(14.000.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.535.888.889)	(1.800.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.766.472.223	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.503.667.271	826.676.709
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.738.982.049)</b>	<b>(20.292.174.041)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(300.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.416.446.056)	(7.520.522.069)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.416.446.056)</b>	<b>(7.820.522.069)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(39.614.459.101)</b>	<b>34.577.264.501</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>89.551.261.006</b>	<b>54.815.444.779</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.197.757.938	158.551.726
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>51.134.559.843</b>	<b>89.551.261.006</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/11/2012.

Vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng chia thành 3.381.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 1.649.157 cổ phần tương ứng 16.491.570.000 đồng, chiếm 48,78% vốn điều lệ; Tổng Công ty Điện lực TP.HCM nắm giữ 422.139 cổ phần tương ứng 4.221.390.000 đồng, chiếm 12,49% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 1.309.704 cổ phần tương ứng 13.097.040.000 đồng, chiếm 38,73% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

## 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

## 1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)/.

#### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

#### 1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điệncũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

#### 1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con và công ty liên kết liên doanh.

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
-Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư Vấn, khảo sát thiết kế
-Xí nghiệp Khảo	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận	Tư Vấn,

## 1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

### 2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Khối Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của hai Chi nhánh trực thuộc là Chi nhánh Miền Trung và Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng điện.

### 3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, ngoại trừ một số thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

##### 4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### 4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

##### 4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại



doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

#### 4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

#### 4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12– 50

Máy móc thiết bị	05 – 06
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

##### ***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

#### 4.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 4.9 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng TMCP An Bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

#### 4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

#### 4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty là doanh thu liên

quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính này.

#### 4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Phần lớn hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

#### 4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.



## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	191.807.071	20.424.972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.260.112.772	17.094.576.867
Các khoản tương đương tiền (*)	16.682.640.000	72.436.259.167
<b>Cộng</b>	<b>51.134.559.843</b>	<b>89.551.261.006</b>

(\*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000	-	220.790.000	220.790.000	-
	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>5.769.416.666</b>	<b>5.769.416.666</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>		
b1) Ngắn hạn	<b>5.769.416.666</b>	<b>5.769.416.666</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	5.769.416.666	5.769.416.666	14.000.000.000	14.000.000.000		
+ Ngân hàng TMCP An Bình	5.769.416.666	5.769.416.666	14.000.000.000	14.000.000.000		
b2) Dài hạn	-	-	-	-		
	Tại 31/12/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>11.350.000.000</b>	<b>11.350.000.000</b>	-	<b>7.350.000.000</b>	<b>7.350.000.000</b>	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	11.350.000.000	11.350.000.000	-	7.350.000.000	7.350.000.000	-
+ Đầu tư vào Công ty CP EVN Quốc Tế (2)	3.150.000.000	3.150.000.000	-	3.150.000.000	3.150.000.000	-
+ Đầu tư vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (3)	8.200.000.000	8.200.000.000	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình mở ngày 31/12/2015 với lãi suất 5,3%/năm.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ.

(3) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 31/12/2015, Công ty đã góp 8,2 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 82 tỷ đồng, tương đương 10%.

Hiện tại Công ty CP EVN Quốc tế và Công ty CP Phong Điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy khoản đầu tư này không bị tổn thất, vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào hai Công ty này.

#### 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.409.267.622</b>	-	<b>2.717.793.824</b>	-
- Phải thu thuế TNCN dự án TĐ Xekaman 1	315.135.512	-	-	-
- Phải thu người lao động	1.688.522.126	-	2.203.968.213	-
- Bảo hiểm xã hội	220.561.622	-	364.416.134	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	38.511.594	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	14.003.286	-	60.662.467	-
- Phải thu ngắn hạn khác	171.045.076	-	50.235.416	-
<b>Dài hạn</b>	<b>153.000.000</b>	-	<b>153.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	153.000.000	-	153.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.562.267.622</b>	-	<b>2.870.793.824</b>	-

## 8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>77.854.827.846</b>	<b>46.903.840.673</b>
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.897.493.871	4.307.016.746
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.639.871.294	403.431.288
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	5.332.951.404	3.422.846.536
- Sở Công Thương Bạc Liêu	4.965.981.306	-
- Sở Công Thương Kon Tum	3.994.700.000	-
- Sở Công Thương Đắk Nông	4.265.757.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	42.758.072.971	38.770.546.103
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>36.336.862.815</b>	<b>29.419.770.831</b>
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.897.493.871	4.307.016.746
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.639.871.294	403.431.288
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	537.202.856	439.070.253
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - Cty TTĐ4	2.170.077.473	1.665.145.479
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	1.184.083.720	1.083.307.438
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	55.950.580	55.950.580
- Ban QLDA các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC	84.520.206	84.520.206
- Công ty Lưới điện Cao thế miền Trung	353.487.704	353.487.704
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	279.980.551	478.028.951
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	91.713.441	70.776.666
- Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938
- Ban QLDA thủy điện 1	3.792.729.331	1.884.044.474
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	390.516.000	-
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	131.796.388	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2	38.203.000	-
- Ban QLDA nhiệt điện 3	-	750.000
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	221.513.591	843.421.043
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	479.128.000
- Ban QLDA TĐ Sông Bung 4	20.006.505	-
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	5.332.951.404	3.422.846.536
- Ban QLDA TĐ Sông Bung 2	1.263.941.474	4.576.913.574
- Ban QLDA Thủy điện 6	1.082.778.930	2.174.994.307
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	290.745.000	-
- Công ty Truyền tải điện 1	1.467.796.028	102.025.927

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
- Công ty Truyền tải điện 2	19.235.499	384.709.989
- Công ty Thủy Điện Trị An	-	858.000.000
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	193.157.010	50.000.000
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	-	38.522.610
- Công ty CP Thủy điện Miền Trung	164.850.635	591.036.005
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	14.246.200
- Công ty CP EVN Quốc Tế	-	2.239.168.756
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	2.302.706.009
- Công ty TNHH MTV Phát điện 3	-	164.452.237
- Ban QLDA Phát triển điện lực Hà Nội	-	198.937.529

## 9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2015	
	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND
Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	282.759.274	84.827.782
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	808.200.000	404.100.000
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	186.118.897	130.283.228
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	6.460.847.127	6.460.847.127
<b>Cộng</b>	<b>7.737.925.298</b>	<b>7.080.058.137</b>

	Tại 01/01/2015	
	Số dư nợ quá hạn VND	Số trích lập VND
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	32.900.000	16.450.000
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	2.585.348.700	1.809.744.090
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	4.907.385.237	4.907.385.237
<b>Cộng</b>	<b>7.525.633.937</b>	<b>6.733.579.327</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>144.815.190</b>	<b>257.436.349</b>
- Công cụ dụng cụ	115.321.526	257.436.349
- Chi phí khác	29.493.664	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.993.746.138</b>	<b>3.066.655.025</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.633.180.336	2.235.172.849
- Chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp	141.584.552	384.300.926
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	218.981.250	447.181.250
<b>Cộng</b>	<b>3.138.561.328</b>	<b>3.324.091.374</b>

## 11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.960.635	-	136.326.858	-
Công cụ, dụng cụ	8.419.970	-	1.273.197	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.439.684.022	-	29.442.150.712	-
<b>Cộng</b>	<b>29.521.064.627</b>	<b>-</b>	<b>29.579.750.767</b>	<b>-</b>

## 12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>
Dự án nhà điều hành sản xuất Xí nghiệp khảo sát ở Quận 2	311.190.280	311.190.280	311.190.280	311.190.280
<b>Cộng</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>	<b>311.190.280</b>

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2015	10.071.945.740	9.335.560.149	14.130.534.806	3.195.837.639	36.733.878.334
- Mua trong năm	-	303.000.000	3.916.712.726	259.900.000	4.479.612.726
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(570.678.285)	-	(570.678.285)
Tại 31/12/2015	<u>10.071.945.740</u>	<u>9.638.560.149</u>	<u>17.476.569.247</u>	<u>3.455.737.639</u>	<u>40.642.812.775</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2015	3.254.423.286	7.649.192.803	9.963.951.196	2.534.896.275	23.402.463.560
- Khấu hao trong năm	516.146.316	509.941.552	880.640.176	324.749.267	2.231.477.311
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(570.678.285)	-	(570.678.285)
Tại 31/12/2015	<u>3.770.569.602</u>	<u>8.159.134.355</u>	<u>10.273.913.087</u>	<u>2.859.645.542</u>	<u>25.063.262.586</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	<u>6.817.522.454</u>	<u>1.686.367.346</u>	<u>4.166.583.610</u>	<u>660.941.364</u>	<u>13.331.414.774</u>
Tại 31/12/2015	<u>6.301.376.138</u>	<u>1.479.425.794</u>	<u>7.202.656.160</u>	<u>596.092.097</u>	<u>15.579.550.189</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 13.591.543.992đồng.



#### 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	11.928.525.992	2.606.802.690	14.535.328.682
- Mua trong năm	3.361.847.200	-	3.361.847.200
Tại 31/12/2015	<u>15.290.373.192</u>	<u>2.606.802.690</u>	<u>17.897.175.882</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2015	722.507.925	2.032.189.104	2.754.697.029
- Khấu hao trong năm	145.274.260	311.558.324	456.832.584
Tại 31/12/2015	<u>867.782.185</u>	<u>2.343.747.428</u>	<u>3.211.529.613</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	11.206.018.067	574.613.586	11.780.631.653
Tại 31/12/2015	<u>14.422.591.007</u>	<u>263.055.262</u>	<u>14.685.646.269</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 1.630.877.719 đồng.

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.322.049.111</b>	<b>4.322.049.111</b>	<b>3.381.842.028</b>	<b>3.381.842.028</b>
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.711.597.689	1.711.597.689	1.644.275.858	1.644.275.858
- Trần Kim Tuyên	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.610.451.422	1.610.451.422	1.737.566.170	1.737.566.170
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.772.421.989</b>		<b>1.705.100.158</b>	
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.711.597.689		1.644.275.858	
- Công ty CP Tư vấn Xây Dựng Điện 1	60.824.300		60.824.300	

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.519.494.616	30.207.788.539	29.731.491.465	4.995.791.690
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.557.293.253	3.556.669.290	4.315.587.842	798.374.701
- Thuế thu nhập cá nhân	130.679.379	2.250.013.478	2.151.608.020	229.084.837
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.365.886.890	3.365.886.890	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.302.189.619	3.302.189.619	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	266.206.396	266.206.396	-
<b>Cộng</b>	<b>6.207.467.248</b>	<b>42.948.754.212</b>	<b>43.132.970.232</b>	<b>6.023.251.228</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế thu nhập cá nhân	(39.865.721)	39.865.721	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(39.865.721)</b>	<b>39.865.721</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.880.162.188</b>	<b>3.030.839.948</b>
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	4.880.162.188	2.718.649.039
- Trích trước chi phí thuê kho	-	30.000.000
- Trích trước chi phí mua máy tính bảng	-	147.190.909
- Trích trước chi phí khác	-	135.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.880.162.188</b>	<b>3.030.839.948</b>

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.969.637.961</b>	<b>7.524.112.707</b>
- Kinh phí công đoàn	1.805.506.896	2.309.302.156
- Bảo hiểm xã hội	141.888.662	-
- Bảo hiểm y tế	26.969.478	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	73.543.958	38.785.509
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	693.696.175	1.362.466.031
- Lương, chi phí khoán công trình phải trả	839.848.796	-
- Phải trả về thuế TNCN cho CBCNV	3.210.701.097	2.548.744.988
- Phải trả CBCNV về tiền lương đã quyết toán	-	966.954.500
- Phải trả về quy hoạch cho Trung tâm Điện lực Quảng Trị	87.923.979	87.923.979
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.558.920	209.935.544
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.969.637.961</b>	<b>7.524.112.707</b>

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng, chia thành 3.381.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Tại 31/12/2015</b>		<b>Tại 01/01/2015</b>	
	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Tập đoàn điện lực Việt Nam	49%	16.491.570.000	49%	16.491.570.000
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	12%	4.221.390.000	12%	4.221.390.000
Cổ đông khác	39%	13.096.900.000	39%	13.096.900.000
Cổ phiếu quỹ	0%	140.000	0%	140.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>33.810.000.000</b>

## 19.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>22.133.065.169</b>	<b>11.464.525.813</b>	<b>67.452.450.982</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.770.479.112	12.770.479.112
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(5.071.479.000)	(5.071.479.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	4.786.434.629	(4.786.434.629)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.270.000.000)	(1.270.000.000)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>26.919.499.798</b>	<b>13.107.091.296</b>	<b>73.881.451.094</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>26.919.499.798</b>	<b>13.107.091.296</b>	<b>73.881.451.094</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	10.480.234.621	10.480.234.621
- Cổ tức đã công bố năm 2014 (*)	-	-	-	-	(5.747.676.200)	(5.747.676.200)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2014 (*)	-	-	-	3.890.000.000	(3.890.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2014 (*)	-	-	-	-	(1.680.000.000)	(1.680.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>33.810.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>30.809.499.798</b>	<b>12.269.649.717</b>	<b>76.934.009.515</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2014 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2015 số 0091/NQ-TVĐ3 ngày 17 tháng 4 năm 2015.

### 19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.381.000	3.381.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.381.000	3.381.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.380.986	3.380.986
+ Cổ phiếu phổ thông	3.380.986	3.380.986
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

### 19.4 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	30.809.499.798	26.919.499.798

### CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
a) Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	998.521.495	941.619.150
b) Ngoại tệ các loại:	-	-
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.252.532,32	1.496.722
- Đồng Euro (EUR)	28.931,30	18.808

### 21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>260.715.364.428</b>	<b>213.505.631.432</b>
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	260.715.364.428	213.505.631.432
<b>Cộng</b>	<b>260.715.364.428</b>	<b>213.505.631.432</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>176.479.103.837</b>	<b>154.740.234.405</b>
+ Ban QLDA Điện lực miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.312.722.441	3.530.700.862
+ Ban QLDA lưới điện TPHCM	9.513.277.579	1.482.447.272
+ Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	4.036.419.272	-
+ Ban QLDA nhiệt điện 2	3.169.524.995	-
+ Ban QLDA nhiệt điện 3	25.004.599.590	16.074.899.177



## 21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP)

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
+ Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	24.848.882.983	9.620.297.566
+ Ban QLDA thủy điện 1	4.499.186.719	3.930.636.603
+ Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4	18.187.732	-
+ Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	1.132.597.273	9.640.283.819
+ Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc	1.628.657.439	1.568.001.473
+ Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	54.902.982.558	62.328.288.633
+ Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung	17.259.232.411	26.268.920.502
+ Ban quản lý dự án lưới điện tỉnh Đồng Nai	-	1.066.977.323
+ Ban quản lý dự án điện nông thôn	-	622.158.638
+ Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	-	180.852.299
+ Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	226.956.447	-
+ Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.358.884.652	2.574.689.374
+ Công ty Điện lực Gò Vấp	178.290.805	-
+ Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	570.992.954	338.426.869
+ Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	1.610.755.450	457.498.779
+ Công ty Truyền tải Điện 1	2.538.615.618	1.020.259.267
+ Công ty Truyền tải Điện 2	-	349.736.354
+ Công ty Truyền tải Điện 3	5.031.031.682	3.123.671.530
+ Công ty truyền tải điện 4	6.130.406.683	1.598.128.696
+ Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	2.287.168.784
+ VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi	100.000.000	-
+ Ban QLDA lưới điện miền Trung	19.033.432	-
+ Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.799.331.819	431.702.727
+ Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	119.814.898	-
+ Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	220.060.288	-
+ Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	264.313.636	-
+ Tổng công ty Phát điện 1	984.344.481	-
+ Công ty CP EVN Quốc Tế	-	2.035.607.960
+ Công ty CP Thủy điện Đại Ninh	-	1.562.971.815
+ Công ty CP Thủy điện Miền Trung	-	1.334.187.595
+ Công ty CP Thủy điện Trị An	-	780.000.000
+ CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM - Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	-	91.946.682
+ Công ty Điện lực Tân Bình	-	52.569.906
+ Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia	-	387.203.900

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	202.678.319.445	157.181.356.839
<b>Cộng</b>	<b>202.678.319.445</b>	<b>157.181.356.839</b>

## 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.417.768.090	874.259.176
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.240.000	13.080.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	103.966.303	128.026.974
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.197.757.938	157.947.526
<b>Cộng</b>	<b>2.758.732.331</b>	<b>1.173.313.676</b>

## 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	-	9.750.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	110.664.636	4.768.308
<b>Cộng</b>	<b>110.664.636</b>	<b>14.518.308</b>

## 25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b><i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i></b>	<b>38.038.167.965</b>	<b>33.058.916.573</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	17.570.477.899	17.025.415.169
- Chi phí vật liệu quản lý	666.308.589	748.217.800
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.535.916.233	776.416.127
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.271.359.254	1.103.928.950
- Thuế, phí và lệ phí	9.398.814	9.398.814
- Chi phí dự phòng	403.381.155	(215.403.542)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.336.358.900	5.772.659.012
- Chi phí bằng tiền khác	5.864.257.427	4.325.301.230
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.380.709.694	3.512.983.013
<b><i>b. Các khoản chi phí bán hàng</i></b>	<b>8.677.484.640</b>	<b>7.778.736.555</b>
- Chi phí tiếp khách	7.158.153.107	6.073.986.977
- Chi phí bán hàng khác	1.519.331.533	1.704.749.578
<b><i>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i></b>	<b>340.667.243</b>	<b>1.640.129.103</b>
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	340.667.243	1.640.129.103

## 26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	102.727.272	391.090.908
Thanh lý công cụ dụng cụ	15.572.727	89.033.634
Thu nhập từ công nợ không phải trả	289.349.090	423.161.236
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	57.073.789	626.263
Thuế TNCN của người lao động	172.636.781	-
Thu nhập khác	7.579.788	-
<b>Cộng</b>	<b>644.939.447</b>	<b>903.912.041</b>

## 27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và sau quyết toán lại	-	976.241.829
Chi phí từ công nợ không thu được xử lý	89.000.000	67.000.000
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	307.512.995	107.339.242
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	118.423.495	-
Chi phí khác	62.559.119	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>577.495.609</b>	<b>1.165.581.071</b>

## 28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>14.036.903.911</b>	<b>16.383.747.803</b>
<b>Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.111.934.753</b>	<b>287.339.242</b>
- Thù lao Hội đồng quản trị	180.000.000	165.000.000
- Chi phí không được trừ	416.512.995	122.339.242
- Chi phí trích lập dự phòng của các khoản công nợ không có đối chiếu	1.357.474.232	-
- Chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	157.947.526	-
<b>Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.371.997.938)</b>	<b>(247.138.450)</b>
- Chi phí phải trả năm trước	(135.000.000)	-
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(39.240.000)	(13.080.000)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện	-	(76.110.924)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(1.197.757.938)	(157.947.526)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>14.776.840.726</b>	<b>16.423.948.595</b>
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.250.904.960	3.613.268.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước (*)	305.764.330	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.556.669.290</b>	<b>3.613.268.691</b>

## 28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)

(\*) Căn cứ theo Quyết định số 5182/QE9-CT-XP của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 12 năm 2015 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế khi thực hiện kiểm tra thuế năm 2013 và 2014.

## 29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.480.234.621	12.770.479.112
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.048.023.462)	(1.290.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.380.986	3.380.986
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>2.790</b>	<b>3.396</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số tạm tính trên cơ sở lợi nhuận năm nay, để làm cơ sở tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu nhằm đảm bảo thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2015.

## 30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.480.234.621	12.770.479.112
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.048.023.462)	(1.290.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.380.986	3.380.986
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>2.790</b>	<b>3.396</b>

(\*) Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số tạm tính trên cơ sở lợi nhuận năm nay, để làm cơ sở tính Lãi suy giảm trên cổ phiếu nhằm đảm bảo thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2015.

## 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.244.712.047	10.327.913.296
Chi phí nhân công	122.616.051.185	108.500.607.964
Khấu hao tài sản cố định	2.686.230.895	2.268.919.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.090.151.341	57.319.056.688
Chi phí bằng tiền khác	34.444.981.800	29.028.944.935
<b>Cộng</b>	<b>251.082.127.268</b>	<b>207.445.442.517</b>

### **32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Phần lớn hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách, toàn bộ phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015.

### **33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

#### **QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài

chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.134.559.843	89.551.261.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.990.206.666	14.220.790.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.728.573.342	47.570.666.284
Đầu tư dài hạn	11.350.000.000	7.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>147.203.339.851</b>	<b>158.692.717.290</b>
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.243.778.078	8.557.867.070
Chi phí phải trả	4.880.162.188	3.030.839.948
<b>Cộng</b>	<b>14.123.940.266</b>	<b>11.588.707.018</b>

## **TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

### *Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015.

## **MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

## **RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### *Rủi ro tiền tệ*

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

## RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

### *Rủi ro tiền tệ (tiếp)*

	Tại ngày 31/12/2015			
	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.252.532,32	28.931,30	28.118.145.659	705.345.094
+ Tiền gửi ngân hàng	1.252.532,32	931,30	28.118.145.659	22.705.094
+ Tương đương tiền	-	28.000,00	-	682.640.000
<b>Cộng</b>	<b>1.252.532,32</b>	<b>28.931,30</b>	<b>28.118.145.659</b>	<b>705.345.094</b>
<b>Nợ tài chính</b>				
<b>Cộng</b>	-	-	-	-
<b>Mức rủi ro tiền tệ</b>	<b>1.252.532,32</b>	<b>28.931,30</b>	<b>28.118.145.659</b>	<b>705.345.094</b>

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong kỳ Công ty không có các khoản vay.

### *Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.



## RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

## QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Từ 01 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.243.778.078	-	9.243.778.078
Chi phí phải trả	4.880.162.188	-	4.880.162.188
<b>Cộng</b>	<b>14.123.940.266</b>	<b>-</b>	<b>14.123.940.266</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.596.652.579	-	8.596.652.579
Chi phí phải trả	3.030.839.948	-	3.030.839.948
<b>Cộng</b>	<b>11.627.492.527</b>	<b>-</b>	<b>11.627.492.527</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 01 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.134.559.843	-	51.134.559.843
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.990.206.666	-	5.990.206.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.575.573.342	153.000.000	78.728.573.342
Đầu tư dài hạn	-	11.350.000.000	11.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>135.700.339.851</u></b>	<b><u>11.503.000.000</u></b>	<b><u>147.203.339.851</u></b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.551.261.006	-	89.551.261.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.220.790.000	-	14.220.790.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.417.666.284	153.000.000	47.570.666.284
Đầu tư dài hạn	-	7.350.000.000	7.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>151.189.717.290</u></b>	<b><u>7.503.000.000</u></b>	<b><u>158.692.717.290</u></b>

## 34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<b><i>Giao dịch với các bên liên quan</i></b>			<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>			<b>176.479.103.837</b>	<b>154.740.234.405</b>
- Ban QLDA Điện lực miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam			8.312.722.441	3.530.700.862
- Ban QLDA lưới điện TPHCM			9.513.277.579	1.482.447.272
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5			4.036.419.272	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2			3.169.524.995	-
- Ban QLDA nhiệt điện 3			25.004.599.590	16.074.899.177
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân			24.848.882.983	9.620.297.566
- Ban QLDA thủy điện 1			4.499.186.719	3.930.636.603
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4			18.187.732	-
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2			1.132.597.273	9.640.283.819
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc			1.628.657.439	1.568.001.473
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam			54.902.982.558	62.328.288.633
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung			17.259.232.411	26.268.920.502
- Ban quản lý dự án lưới điện tỉnh Đồng Nai			-	1.066.977.323
- Ban quản lý dự án điện nông thôn			-	622.158.638
- Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội			-	180.852.299
- Công ty CP Điện lực Khánh Hòa			226.956.447	-
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi			1.358.884.652	2.574.689.374
- Công ty Điện lực Gò Vấp			178.290.805	-
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3			570.992.954	338.426.869
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng			1.610.755.450	457.498.779
- Công ty Truyền tải Điện 1			2.538.615.618	1.020.259.267
- Công ty Truyền tải Điện 2			-	349.736.354
- Công ty Truyền tải Điện 3			5.031.031.682	3.123.671.530
- Công ty truyền tải điện 4			6.130.406.683	1.598.128.696
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp			-	2.287.168.784
- VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1			100.000.000	-
- Ban QLDA lưới điện miền Trung			19.033.432	-
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh			2.799.331.819	431.702.727

### 34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<b><i>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</i></b>		
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	119.814.898	-
- Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	220.060.288	-
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	264.313.636	-
- Tổng công ty Phát điện 1	984.344.481	-
- Công ty CP EVN Quốc Tế	-	2.035.607.960
- Công ty CP Thủy điện Đại Ninh	-	1.562.971.815
- Công ty CP Thủy điện Miền Trung	-	1.334.187.595
- Công ty CP Thủy điện Trị An	-	780.000.000
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM - Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	-	91.946.682
- Công ty Điện lực Tân Bình	-	52.569.906
- Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia	-	387.203.900
<b>Trả cổ tức</b>	<b>4.197.878.381</b>	<b>3.106.944.000</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.480.242.081	2.473.735.500
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	717.636.300	633.208.500

<b><i>Số dư với các bên liên quan</i></b>		
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>36.336.862.815</b>	<b>29.419.770.831</b>
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	12.897.493.871	4.307.016.746
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.639.871.294	403.431.288
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	537.202.856	439.070.253
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - Cty TTĐ4	2.170.077.473	1.665.145.479
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM -	1.184.083.720	1.083.307.438
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	55.950.580	55.950.580
- Ban QLDA các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC	84.520.206	84.520.206
- Công ty Lưới điện Cao thế miền Trung	353.487.704	353.487.704
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	279.980.551	478.028.951
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	91.713.441	70.776.666
- Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938

### 34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<i>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</i>		
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Ban QLDA thủy điện 1	3.792.729.331	1.884.044.474
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	390.516.000	-
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	131.796.388	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2	38.203.000	-
- Ban QLDA nhiệt điện 3	-	750.000
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	221.513.591	843.421.043
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	479.128.000	479.128.000
- Ban QLDA TĐ Sông Bung 4	20.006.505	-
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	5.332.951.404	3.422.846.536
- Ban QLDA TĐ Sông Bung 2	1.263.941.474	4.576.913.574
- Ban QLDA Thủy điện 6	1.082.778.930	2.174.994.307
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	290.745.000	-
- Công ty Truyền tải điện 1	1.467.796.028	102.025.927
- Công ty Truyền tải điện 2	19.235.499	384.709.989
- Công ty Thủy Điện Trị An	-	858.000.000
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà	193.157.010	50.000.000
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	-	38.522.610
- Công ty CP Thủy điện Miền Trung	164.850.635	591.036.005
- Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	14.246.200
- Công ty CP EVN Quốc Tế	-	2.239.168.756
- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	2.302.706.009
- Công ty TNHH MTV Phát điện 3	-	164.452.237
- Ban QLDA Phát triển điện lực Hà Nội	-	198.937.529
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước người bán</b>	<b>533.640.799</b>	<b>418.505.420</b>
- KH2106-Công ty CP EVN Quốc Tế	533.640.799	418.505.420
- Điện lực Sài Gòn	439.171	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
<b>Phải trả người bán</b>	<b>1.772.421.989</b>	<b>1.705.100.158</b>
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1	60.824.300	60.824.300
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	1.711.597.689	1.644.275.858

<u>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</u>		
	<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Tại 01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>45.617.278.849</b>	<b>61.455.960.752</b>
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	15.699.517.308	26.984.966.527
- Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	1.162.056.218	3.276.381.777
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	3.193.482.652	5.876.046.960
- Ban QLDA Lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	141.000.000	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.958.000.000	-
- Ban QLDA CTTĐ Miền Trung	1.178.536.163	3.613.643.951
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	2.534.483.754	3.606.057.917
- Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	-	113.403.000
- Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
- Trung tâm tư vấn xây dựng điện HCMPC	12.899.005	12.899.005
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	18.684.724.532	16.744.250.332
- Ban QLDA Thủy Điện 1	602.884.808	602.884.808
- Tổng Công ty Điện lực TPHCM	12.500.000	12.500.000
- Ban QLDA vay vốn ADB	-	56.734.011
- Ban QLDA CTTĐ Miền Bắc	-	480.518
- Công ty Truyền tải Điện 3	-	99.300.000
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	271.126.000
- Công ty TNHH MTV Phát điện 3	-	140.688.946
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	150.840.909	-
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	241.756.500	-
<b>Phải trả cổ tức</b>	<b>-</b>	<b>676.675.181</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	676.675.181
<b><u>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</u></b>		
	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc</b>	<b>2.678.843.060</b>	<b>2.655.666.236</b>

## 34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

## 34.3 CÁC CAM KẾT

### Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 338/HĐTN-KD ngày 30/12/2011 và Phụ lục Điều chỉnh Hợp đồng thuê nhà số 293/ĐC-HĐTN ngày 24/12/2013 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM. Thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016. Cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
Trong vòng 1 năm	1.374.545.456	1.374.545.456
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	1.374.545.456
<b>Cộng</b>	<b>2.857.767.862</b>	<b>2.749.090.912</b>

#### **34.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

#### **34.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

#### **34.6 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay như sau:



34.6 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2015
		theo QĐ 15/2006 VND	theo TT 200/2014 VND
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>			
Chứng khoán kinh doanh	121	-	220.790.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	513.825.611	2.717.793.824
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.425.438.355	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7.570.790.000	7.350.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	-	153.000.000
Tài sản dài hạn khác	268	153.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	7.745.582.849	7.524.112.707
Quỹ đầu tư phát triển	418	20.940.440.558	26.919.499.798
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.979.059.240	-

*Ghi chú:* Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)

Tp. Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 03 năm 2016

